

V/v hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện hoạt động KH&CN 5 năm 2016-2020, xây dựng khung kế hoạch KH&CN 5 năm 2021-2025 và kế hoạch KH&CN năm 2021

Hà Nội, ngày *31* tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Các đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng, viện và trung tâm nghiên cứu trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo hướng dẫn xây dựng Kế hoạch khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 254/BKHCN-KHTH ngày 07/02/2020 và kế hoạch nhiệm vụ xây dựng khung kế hoạch KH&CN 05 năm 2021-2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trường cao đẳng sư phạm trực thuộc (sau đây gọi tắt là các đơn vị) tổ chức thực hiện đánh giá tình hình hoạt động KH&CN 5 năm 2016 – 2020, xây dựng định hướng khung kế hoạch KH&CN 05 năm 2021-2025 và kế hoạch KH&CN năm 2021 như sau:

PHẦN A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KH&CN 05 NĂM 2016 – 2020

I. Căn cứ

Các đơn vị nghiên cứu các văn bản sau để làm căn cứ cho việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN 05 năm 2016-2020:

1. Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012;

2. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020 đã được Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt tại Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015;

3. Kết luận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị phát triển KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2025 (Thông báo kết luận số 539/TB-BGDĐT ngày 10/8/2017);

4. Kế hoạch KH&CN hằng năm của đơn vị.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Nêu bật những kết quả hoạt động KH&CN của đơn vị trong 5 năm 2016-2020; chỉ rõ những đóng góp có ý nghĩa thiết thực cho giáo dục và đào tạo, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đất nước; làm cơ sở để xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị thực hiện đánh giá toàn diện về các nội dung hoạt động KH&CN giai đoạn 2016-2020 của đơn vị.

- Việc đánh giá cần làm rõ kết quả và mức độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của nhiệm vụ KH&CN trong 5 năm qua; lượng hóa các kết quả nổi bật của từng nội dung hoạt động KH&CN của đơn vị.

- Nêu rõ những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục, những bài học kinh nghiệm trong tổ chức, điều hành và phát triển hoạt động KH&CN, đề xuất những giải pháp đảm bảo hiệu quả của hoạt động KH&CN trong những năm tiếp theo.

III. Nội dung đánh giá

1. Tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về KH&CN và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2016-2020

Các đơn vị đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nội dung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong các Luật, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đánh giá mức độ ảnh hưởng, kết quả đạt được đối với sự phát triển của đơn vị, phát triển tiềm lực KH&CN, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, công tác quản lý, ... Trong đó đặc biệt chú trọng những nội dung liên quan trong Luật Khoa học công nghệ, Luật bổ sung, sửa đổi Luật Giáo dục đại học, các Nghị định liên quan của Chính phủ.

Ngoài việc đánh giá kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020, các đơn vị cần phân tích đánh giá tác động tích cực và tồn tại, bất cập trong hoạt động quản lý KH&CN và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách để thúc đẩy phát triển KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Các đơn vị tiến hành đánh giá chung về tình hình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia của đơn vị trong 5 năm 2016-2020 đối với các đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập, các dự án sản xuất thử nghiệm, các đề tài, dự án thuộc các chương trình, các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư ký với nước ngoài, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ bảo tồn, lưu giữ và phát triển nguồn gen (nếu có) bao gồm cả nhiệm vụ từ các chương trình quốc gia, các quỹ quốc gia đặt hàng giao nhiệm vụ.

3. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

3.1. Các đơn vị đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ KH&CN do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chủ trì thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, bao gồm:

- Chương trình KH&CN cấp bộ;
- Đề tài KH&CN cấp bộ;
- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ;
- Nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ;
- Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ phục vụ quản lý;
- Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương;
- Dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học;

- Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu;
- Dự án duy tu;
- Dự án đầu tư phát triển dành cho KH&CN.

3.2. *Đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, bộ/ngành khác tuyển chọn/đặt hàng/giao trực tiếp.*

Chú ý:

* Đối với đề tài, nhiệm vụ phê duyệt bắt đầu thực hiện từ năm 2018, 2019, 2020 chưa đánh giá nghiệm thu cấp bộ, các đơn vị, cá nhân chủ trì tiến hành đánh giá những nội dung đã thực hiện, ước kết quả thực hiện năm 2020.

* Đối với các nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học và công nghệ và dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học cần đánh giá tình hình thực hiện đến tháng 6 năm 2020.

4. Tình hình thực hiện hoạt động KH&CN cấp cơ sở

Các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, bao gồm:

- Đánh giá công tác tổ chức quản lý hoạt động KH&CN của đơn vị giai đoạn 2016-2020: Phân tích mặt được, chưa được, phân tích nguyên nhân của những tồn tại trong quản lý hoạt động KH&CN 5 năm 2016-2020 của đơn vị; phân tích, đánh giá những tác động của các chính sách, quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong giai đoạn vừa qua đối với công tác phát triển, quản lý hoạt động KH&CN của đơn vị; đánh giá về công tác chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động KH&CN của đơn vị; kiến nghị với Bộ, với Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN.

- Đánh giá tình hình thực hiện đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở 5 năm 2016-2020: Thống kê số lượng, kết quả đạt được, kinh phí; phân tích ưu nhược điểm và định hướng đổi mới phương thức triển khai thực hiện.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, cao học, nghiên cứu sinh.

- Hoạt động thông tin KH&CN gồm công tác xuất bản ấn phẩm KH&CN, xây dựng CSDL KH&CN, hội nghị và hội thảo khoa học.

- Tình hình chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh, hợp tác với doanh nghiệp: Các đơn vị tiến hành đánh giá hoạt động chuyển giao công nghệ và sản xuất kinh doanh của đơn vị giai đoạn 2016-2020, thống kê số hợp đồng chuyển giao công nghệ, doanh thu, đóng góp cho đơn vị, nộp thuế, các khoản thu khác do hoạt động KH&CN tạo ra. Đối với các đơn vị có các viện, trung tâm nghiên cứu trực thuộc, tiến hành đánh giá hoạt động KH&CN của viện và/hoặc trung tâm trực thuộc, nêu kết quả nổi bật về hoạt động KH&CN của các viện, trung tâm trực thuộc.

- Hoạt động hỗ trợ và khởi nghiệp sáng tạo.

- Hoạt động an toàn và bảo hộ lao động; Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ; Hoạt động sở hữu trí tuệ; Hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; Hoạt động tham gia các Chợ Công nghệ và Thiết bị (Techmart) quốc gia và khu vực, v.v...

5. Đánh giá các nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN của đơn vị, giai đoạn 2016-2020

Các đơn vị tiến hành thống kê các nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN của đơn vị giai đoạn 2016-2020, gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí của đơn vị chi cho hoạt động KH&CN, kinh phí huy động từ các nguồn khác; tập trung đánh giá tình hình sử dụng, giải ngân, những khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý tài chính, nêu những kiến nghị và giải pháp khắc phục.

6. Công tác phát triển tiềm lực KH&CN

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN bao gồm: Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ; tình hình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN (nhân lực trình độ cao) của đơn vị; nêu đánh giá, nhận định và định hướng phát triển nhân lực trong giai đoạn tới.

- Tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (nội dung này áp dụng cho Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Viện Nghiên cứu thiết kế trường học).

- Đánh giá về tình hình đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ, dịch vụ phục vụ KH&CN.

Các đơn vị khi đánh giá cần làm rõ kết quả nổi bật của hoạt động KH&CN, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ; phân tích tác động, ảnh hưởng của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất, kinh doanh, hiệu quả của hoạt động KH&CN thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích và các sản phẩm khoa học và công nghệ được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ) và giá trị thực tế (doanh thu thông qua số lượng tiến bộ kỹ thuật đã được ứng dụng và chuyển giao).

IV. Biểu mẫu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN 5 năm 2016-2020

Ngoài nội dung báo cáo, các đơn vị hoàn thiện các biểu sau:

1. *Biểu TK1-1 Phụ lục 1*: Tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN 05 năm 2016-2020.
2. *Biểu TK1-2 Phụ lục 1*: Thống kê bài báo khoa học/sách được xuất bản quốc tế.
3. *Biểu TK1-3 Phụ lục 1*: Thống kê bài báo khoa học/sách được xuất bản trong nước.
4. *Biểu TK1-4 Phụ lục 1*: Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khác trong giai đoạn 05 năm 2016-2020.
5. *Biểu TK1-5 Phụ lục 1*: Các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nổi bật 05 năm 2016-2020.
6. *Biểu TK1-6 Phụ lục 1*: Thống kê nhân lực và tổ chức KH&CN áp dụng cho các viện nghiên cứu.
7. *Biểu TK1-7 Phụ lục 1*: Thống kê nhân lực KH&CN áp dụng cho các trường.

8. *Biểu TK1-8 Phụ lục 1*: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.
9. *Biểu TK1-9 Phụ lục 1*: Tình hình tài chính cho hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020.
10. *Biểu TK1-10 Phụ lục 1*: Thống kê văn bản về KH&CN của đơn vị.
11. *Biểu TK1-11 Phụ lục 1*: Kết quả triển khai cơ chế khoán chi trong hoạt động KH&CN.
12. *Biểu TK1-12 Phụ lục 1*: Kết quả hoạt động của quỹ phát triển KH&CN.

PHẦN B. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KH&CN CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Căn cứ

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư;
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư;
- Luật Khoa học và Công nghệ và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ;
- Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành;
- Thực tiễn phát triển hoạt động KH&CN của đơn vị, chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn và trung hạn của đơn vị;
- Tiềm lực KH&CN của đơn vị, khả năng phát triển, huy động các nguồn lực cho hoạt động KH&CN của đơn vị.

II. Yêu cầu

- Các đơn vị nghiên cứu quán triệt các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển KH&CN để xây dựng phương hướng, xác định mục tiêu và nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2021-2025;
- Đảm bảo nhất quán với mục tiêu thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29 và Nghị quyết số 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về giáo dục và đào tạo và khoa học và công nghệ, các Kết luận của Trung ương và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Trong dài hạn, tập trung nghiên cứu phục vụ sự nghiệp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, trình độ và chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao tiềm năng trí tuệ của đất nước;
- Nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế, khả năng thương mại hóa cao; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của giáo dục đại học, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

III. Hoàn thiện biểu mẫu khung kế hoạch KH&CN 05 năm 2021-2025

1. Biểu TK2-1 Phụ lục 2: Khung nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2021-2025, bao gồm các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, nhiệm vụ KH&CN cấp bộ và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Biểu TK2-2 Phụ lục 2: Thuyết minh đề xuất của các chương trình/nhiệm vụ KH&CN dài hạn của giai đoạn 2021-2025. Nêu rõ tính cấp thiết, sự cần thiết, mục tiêu, yêu cầu (giai đoạn và hàng năm), các nội dung nghiên cứu chính, sản phẩm phải đạt, thời gian thực hiện, kinh phí và giải pháp triển khai thực hiện.

Chú ý: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025 và Đề án về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 10 năm 2021 – 2030 gắn với Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2030 hiện vẫn chưa được phê duyệt. Do đó các đơn vị chủ động xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu trong giai đoạn tới dựa trên các căn cứ và yêu cầu trên, bổ sung, điều chỉnh sau khi các văn bản nêu trên được ban hành.

PHẦN C. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KH&CN NĂM 2021

I. Quan điểm và mục tiêu

Năm 2021 là năm đầu tiên của giai đoạn 5 năm 2021-2025, do đó kế hoạch KH&CN năm 2021 phải được đặt trong bối cảnh của cả giai đoạn 5 năm (Phần B).

Kế hoạch nhiệm vụ KH&CN năm 2021 phải hướng vào giải quyết những vấn đề phục vụ phát triển giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, nâng cao chất lượng đại học; đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Đẩy mạnh các nhiệm vụ nghiên cứu có xuất bản quốc tế, có các sáng chế, giải pháp hữu ích và các công nghệ, sản phẩm được ứng dụng trong thực tiễn để nâng cao vị thế của giáo dục đại học; phát triển bền vững tiềm lực KH&CN của đất nước.

Tăng cường thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình của các đơn vị, khuyến khích, ưu tiên các nhiệm vụ có đóng góp hoặc thực hiện hoàn toàn bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách.

Năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo định hướng kế hoạch KH&CN tập trung vào các mục tiêu sau:

(i) Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học trong hệ thống ISI và Scopus; tăng số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả được bảo hộ;

(ii) Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn đời sống, sản xuất kinh doanh; xây dựng thành công các mô hình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; gắn kết hoạt động nghiên cứu với đào tạo trình độ cao và đẩy mạnh hợp tác đại học – doanh nghiệp;

(iii) Nghiên cứu phục vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao

chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, góp phần tích cực nâng hạng đại học trong bảng xếp hạng đại học khu vực và thế giới;

(iv) Thực hiện đổi mới phương thức xây dựng kế hoạch KH&CN theo hướng đẩy mạnh phân cấp cho cơ sở, lấy mục tiêu sản phẩm đầu ra làm thước đo kết quả nghiên cứu.

II. Xây dựng nhiệm vụ kế hoạch KH&CN năm 2021

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Các đơn vị thực hiện đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình đã được phê duyệt giai đoạn sau năm 2020 hoặc theo từng nhóm lĩnh vực ưu tiên của ngành, của địa phương theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng NSNN gửi trực tiếp về Bộ KH&CN và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét và xử lý, tổng hợp gửi Bộ KH&CN. Đối với Chương trình quốc gia về khoa học giáo dục Bộ sẽ có hướng dẫn riêng.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

Kế hoạch nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2021 bám sát quan điểm và mục tiêu nêu tại Mục I Phần C.

Các nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm được xem xét ưu tiên theo thứ tự sau:

(i) Có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong hệ thống ISI và Scopus; có hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.

(ii) Có kết quả đăng ký phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả nghiên cứu có cam kết của doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tiễn;

(iii) Có kết quả, sản phẩm được áp dụng để giải quyết các vấn đề đổi mới giáo dục và đào tạo, áp dụng để nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng sinh viên tốt nghiệp;

(iv) Thu hút được kinh phí từ doanh nghiệp hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, có đề xuất sẵn sàng đáp ứng kinh phí đối ứng.

2.1. Chương trình KH&CN cấp Bộ

Các đơn vị xây dựng đề xuất chương trình theo mẫu đề xuất chương trình tại Phụ lục của Thông tư số 09/2018/TT-BGDĐT ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý chương trình KH&CN cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình cần có tầm ảnh hưởng lớn, có sự tham gia của một số đơn vị, gắn với nhóm nghiên cứu mạnh nhằm giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành giáo dục, phát triển tiềm lực KH&CN trong một số lĩnh vực trong giai đoạn nghiên cứu; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước hoặc phục vụ cho các mục tiêu của ngành giáo dục; góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết. Năm 2021, Bộ dự kiến mở mới tối đa 5 chương trình.

2.2. Đề tài KH&CN cấp Bộ

Nhằm khai thác, phát huy tiềm lực KH&CN của các đơn vị, thông qua việc đánh giá kết quả, hiệu quả, vai trò, tác động, ảnh hưởng của việc thực hiện đề tài KH&CN giai

đoạn vừa qua, Bộ GD&ĐT dự kiến tăng số lượng đề tài mở mới năm 2021 so với năm 2020 tùy theo chất lượng đề xuất và kết quả xác định, đặt hàng.

Các đơn vị đề xuất đề tài cấp bộ theo 2 nhóm:

Nhóm 1: Các đề tài thuộc các chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như Chương trình phát triển Toán học, Chương trình phát triển Vật lý, Chương trình 562 (Hóa học, Khoa học Sự sống, Khoa học Trái đất và Khoa học Biển) và nhóm đề tài do các cục/vụ và các đơn vị thuộc Bộ đề xuất để thực hiện các chương trình, dự án, đề án, ... của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Nhóm 2: Là các đề tài cấp bộ thông thường, nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao;

Khuyến khích và ưu tiên nhóm đề tài có sản phẩm ứng dụng chuyển cao, có khả năng thương mại hóa và có cam kết rõ ràng về kinh phí đối ứng từ doanh nghiệp hoặc đối tác khác, tối thiểu 30% tổng kinh phí – NSNN hỗ trợ tối đa 70% kinh phí.

Phương thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao số lượng đề tài cho đơn vị căn cứ vào tiềm lực KH&CN, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của đơn vị;

- Việc giao số lượng đề tài cho đơn vị dựa trên cơ sở tính toán dữ liệu các đơn vị đã cung cấp theo yêu cầu của Bộ;

- Các đơn vị gửi đề xuất theo số lượng đề tài được giao;

- Bộ xác định, phê duyệt danh mục đề tài đặt hàng và giao cho đơn vị tuyển chọn;

- Các đơn vị tuyển chọn, hoàn thiện hồ sơ đề tài gửi về Bộ thẩm định và phê duyệt.

2.3. Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán xây dựng nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2021 theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BKH&CN ngày 12/01/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập và hướng dẫn khung nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Phòng thí nghiệm Vật liệu Polyme và Composite, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.4. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ

Các đơn vị xây dựng đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ theo mẫu đề xuất dự án SXTN tại Phụ lục của Thông tư số 02/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sử dụng nguồn kinh phí xã hội hóa.

2.5. Dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học

Năm 2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục lựa chọn hỗ trợ tối đa 3 tạp chí khoa học của các trường để nâng cao chất lượng, đạt các tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế và gia nhập các trung tâm trích dẫn uy tín của khu vực và thế giới (theo Quyết định số 69/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

Các đơn vị gửi đề xuất dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học theo mẫu kèm theo công văn này, có cam kết tham gia hệ thống ISI/Scopus/ACI và đóng góp nguồn lực gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét lựa chọn.

2.6. Dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN hàng năm (dự án duy tu)

Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, lựa chọn không quá 6 dự án duy tu thực sự cấp thiết và có khả năng bố trí vốn để triển khai, lấy từ các đề xuất dự án từ năm 2020 về trước chưa được triển khai thực hiện – các đơn vị không đề xuất hạng mục này.

2.7. Các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển KH&CN

Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục xem xét các đề xuất dự án đầu tư KH&CN từ nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch trung hạn 2021-2025, các đơn vị thực hiện đề xuất hạng mục này theo hướng dẫn riêng của Bộ về đầu tư công.

2.8. Thưởng bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI

Năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện thưởng bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE năm 2020. Các đơn vị chú ý việc thống kê, kê khai đầy đủ, chính xác, cập nhật thông tin liên quan đến bài báo, sẵn sàng nộp dữ liệu khi có yêu cầu.

2.9. Nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển Viện CNSH, Đại học Huế

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án Phát triển Viện CNSH, Đại học Huế xây dựng khung kế hoạch nhiệm vụ cho cả giai đoạn thực hiện Đề án, đề xuất nhiệm vụ KHCN cụ thể cho năm 2021 trình Bộ Giáo dục và Đào tạo theo tiến độ quy định.

PHẦN D. TIẾN ĐỘ

Trước ngày **30/6/2020**, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thành và nộp kế hoạch KH&CN tới các bộ/ ngành liên quan. Do đó, Bộ quy định tiến độ như sau:

TT	Công việc	Tiến độ
1	Giao số lượng đề tài KH&CN cấp bộ 2021	30/3/2020
2	Các đơn vị nộp đề xuất đề tài	15/4/2020
3	Giao đặt hàng tuyển chọn	15/5/2020
4	Các đơn vị gửi đề xuất chương trình KH&CN cấp Bộ; dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ; dự án nâng cao chất lượng tạp chí; khung kế hoạch nhiệm vụ thực hiện Đề án Phát triển Viện CNSH Đại học Huế.	30/4/2020
5	Các đơn vị nộp hồ sơ, thuyết minh đề tài	15/6/2020
6	Các đơn vị gửi đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia	31/5/2020
7	- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện hoạt động KH&CN 5 năm 2016-2020 và mẫu biểu đóng thành quyển (01 bản); - Khung định hướng mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN 5 năm 2021-2025: 01 bản. - Kế hoạch KH&CN cấp cơ sở năm 2021, đóng thành quyển (01 bản)	15/6/2020
Bản mềm các tài liệu trên gửi email: vukhcnmts@moet.gov.vn		

Một số lưu ý đối với công tác xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2021:

- Các đơn vị gửi đề xuất theo mẫu kèm theo
- Năm 2021 là năm đầu tiên của chu kỳ 5 năm 2021-2025 cho nên việc xác định kế hoạch 2021 phải kết hợp với khung định hướng kế hoạch 2021-2025 (Phần B);
- Quán triệt tinh thần thúc đẩy tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình của trường đại học (trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học) trong định hướng 5 năm 2021-2025 và kế hoạch KH&CN năm 2021, các đơn vị cần chú trọng đẩy mạnh việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, phát huy, nâng cao yếu tố nội lực của đơn vị.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đảm bảo tiến độ để Bộ có căn cứ xây dựng báo cáo và đăng ký kế hoạch với Nhà nước. Sau thời hạn nêu trên, Bộ sẽ không xem xét đăng ký kế hoạch KH&CN của các đơn vị nộp muộn.

Thông tin chi tiết liên hệ:

Ông Nguyễn Văn Châu, điện thoại: 0912337219, email: nvchau@moet.gov.vn;

Ông Trịnh Xuân Bái, điện thoại: 0987396999, email: txbai@moet.gov.vn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Các cục, vụ, đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Công thông tin điện tử Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, KH&CNMT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Người ký: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian ký: 31.03.2020
15:58:20 +07:00

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Kèm theo công văn số: *1142*/BGDDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 3 năm 2020)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Đại học Đà Nẵng	
2	Đại học Huế	
3	Đại học Thái Nguyên	
4	Học viện Quản lý Giáo dục	
5	Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	
8	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	
9	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	
10	Trường Đại học Cần Thơ	
11	Trường Đại học Đà Lạt	
12	Trường Đại học Đồng Tháp	
13	Trường Đại học Giao thông Vận tải	
14	Trường Đại học Hà Nội	
15	Trường Đại học Kiên Giang	
16	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	
17	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	
18	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	
19	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	
20	Trường Đại học Mở Hà Nội	
21	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	
22	Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp	
23	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	
24	Trường Đại học Ngoại thương	
25	Trường Đại học Nha Trang	
26	Trường Đại học Quy Nhơn	
27	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
28	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	
29	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	
30	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	
31	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
32	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
33	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	
34	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	
35	Trường Đại học Tây Bắc	
36	Trường Đại học Tây Nguyên	
37	Trường Đại học Thương mại	
38	Trường Đại học Việt - Đức	
39	Trường Đại học Vinh	
40	Trường Đại học Xây dựng	
41	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	
42	Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán	
43	Viện Nghiên cứu thiết kế trường học	

MS

Biểu kèm theo Công văn số 1142/BGDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 08 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2016-2020

Số TT	Mã số, tên đề tài, dự án	Cá nhân/ Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc)	Kết quả đạt được, địa chỉ đã hoặc dự kiến sẽ áp dụng	Tổng kinh phí cấp đến 2020 (Tr.đ)	Tình hình đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN				Ghi chú
						XS	Khá	Đạt	Chưa	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (*)									
1										
2										
...										
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (**)									
1										
2										
...										
III	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (***)									
1										
2										
...										

(*): Đề tài độc lập cấp quốc gia, đề tài thuộc các chương trình KHCN, chương trình KHXX &NV cấp quốc gia, nhiệm vụ quốc gia, dự án SXTN cấp QG, Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, đề tài, dự án thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm giao cho các bộ/ngành.

(**): Chương trình KH&CN cấp Bộ, Đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, nhiệm vụ quỹ gen, nhiệm vụ hợp tác song phương, dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu, nhiệm vụ cấp Bộ khác.

(***) Đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Biểu kèm theo Công văn số 1142 /BGDDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-4

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÁC
GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2016-2020**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)
1				
2				
...				
II	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...
1				
2				
...				
III	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
...				
IV	Kết quả khác			Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả
1				
2				
...				

Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~ /BGDDĐT-KHCNMT ngày ~~31~~ tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

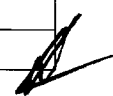
ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1

Biểu TK1-5

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
05 NĂM 2016-2020**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1				
2				
3				
...				



Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~/BGDDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-6

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức khoa học và công nghệ	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2020						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2020 (tr.đ)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

(2) Biểu TK1-6 dành cho :

- Viện Nghiên cứu Thiết kế trường học
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
- Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán.

Biểu kèm theo Công văn số 1142/BGDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-7

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN TÍNH ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2020
(DÀNH CHO CÁC ĐẠI HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN, TRƯỜNG CAO ĐẲNG)**

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị							Chuyên ngành	Ghi chú
		Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân, kỹ sư	Trình độ khác (ghi rõ)		
1										
2										
3										
...										

- Tổng hợp:
- GS. TS:
 - PGS. TS:
 - Tiến sĩ và TSKH:
 - Thạc sĩ:
 - Kỹ sư, cử nhân:
 - Trình độ khác:

Ghi chú: Chức danh khoa học, học vị đánh dấu x vào ô tương ứng, ghi rõ chuyên ngành
Biểu này lập bằng chương trình Exell để thuận tiện cho việc thống kê, kiểm tra.

Biểu kèm theo Công văn số 1142/BGDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-8

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2019 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ 05 NĂM 2016-2020**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	05 năm 2016-2020
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai				
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ			
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ			
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ			
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ			
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ			
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ			
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyên giao công nghệ (nếu có)				
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA			
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ			
3	Giám định công nghệ	CN			
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân (nếu có)				
1	Số nguồn phóng xạ kín				
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn			
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn			
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới				
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị			
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị			
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị			
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)			
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án			
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng			
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở			
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép			
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ				
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ			
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn			

3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng			
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ			
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA			
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK			
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN				
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL			
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút			
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin			
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát			
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhật biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu			
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN				
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ			
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ			
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ			
5	Thống kê KH&CN				
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>			
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>			
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>			
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)				
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng (nếu có)				
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện			
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn			
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn			
4	Đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015				
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc			
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu			
VII	Công tác thanh tra (nếu có)				
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc			
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị			
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ			
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ			
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ (nếu có)				
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho	N.vụ			

	doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt				
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ¹	Doanh nghiệp			
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp			
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ			
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ			
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ			
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
3	Kéo dài thời gian công tác	Người			
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người			
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người			
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người			
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN				
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp			
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở			
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyên đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị			
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN				
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%			
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia				
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng	Doanh nghiệp			

	trường nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)				
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án			
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp			
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị			
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức			
6	Hoạt động hỗ trợ khác				

Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~/BGDDĐT-KHCNMT ngày ~~31~~ tháng ~~2~~ năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1

Biểu TK1-9

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng	NSNN	Theo năm:					Nguồn khác	Ghi chú
				2016	2017	2018	2019	2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(3)=(4)+(10) (4)=(5)÷(9)
A	CHI CHO HOẠT ĐỘNG KH&CN									
I	Quỹ lương và hoạt động bộ máy									(Nếu có)
II	Chi hoạt động KH&CN									
II.1	Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia									
	- Đề tài độc lập									
	- Dự án SXTN									
	- Nhiệm vụ NCCB									
	- ...									
II.2	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ									
	- Nhiệm vụ quỹ gen									
	- Chương trình KHCN									
	- Đề tài cấp Bộ									
	- Dự án ...									
	- ...									
II.3	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở									
	- Đề tài, nhiệm vụ KH&CN									
	- Thông tin KH&CN									
	- Hợp tác quốc tế									
	- NCKH của sinh viên									
	- ...									
B	THU TỪ HOẠT ĐỘNG KH&CN									
	- Hợp đồng với sản xuất									
	- Hợp đồng với tổ chức KH&CN									
	- Các khoản thu khác									



Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~/BGDDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-11

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN 05 NĂM 2016-2020**

Loại nhiệm vụ	Số lượng nhiệm vụ	Phương thức khoán		Ghi chú
		Ước tính tỷ lệ % kinh phí khoán đến sản phẩm cuối cùng	Ước tính tỷ lệ % kinh phí khoán từng phần	
Cấp Quốc gia,				
Bộ, Tỉnh				
Cấp cơ sở				
Khác				



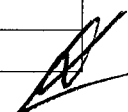
Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~/BGDDĐT-KHCNMT ngày ~~31~~ tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-12

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN**

Quyết định thành lập (số, ngày tháng năm)	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân (Triệu đồng)		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
					



Biểu kèm theo Công văn số ~~142~~ 142/BGDĐT-KHCNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục 2
Biểu TK2-1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐƠN VỊ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Sự cần thiết và tính cấp thiết (tóm tắt)	Định hướng mục tiêu giai đoạn	Định hướng mục tiêu hàng năm	Thời gian	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Dự kiến kinh phí từ NSNN	Dự kiến kinh phí từ nguồn khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	NHIỆM VỤ CẤP QUỐC GIA									
1										
2										
...										
II	NHIỆM VỤ CẤP BỘ									
1										
2										
...										
III	NHIỆM VỤ CẤP CƠ SỞ									
1										
2										
...										

Biểu kèm theo Công văn số *142*/BGDDT-KHCNMT ngày *31* tháng *3* năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 3
Biểu TK3-1

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021
CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGÀNH**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2020	Dự kiến năm 2021	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2021	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4-5-6</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2021										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ mở mới 2021										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

Biểu TK3-1 do Văn phòng Chương trình Khoa học Giáo dục báo cáo.

Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~/BGDDĐT-KHCNMT ngày ~~31~~ tháng ~~3~~ năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 3

Biểu TK3-2

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 2021**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Ghi chú
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2020	Dự kiến năm 2021	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2021	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2021 (*)										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ đề xuất trong trong kế hoạch 2021 (**)										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

(*) Ghi tên chương trình/đề tài thuộc chương trình/đề tài, nhiệm vụ KH&CN khác (bao gồm cả dự án duy tu, dự án tạp chi)

(**) Ghi tên chương trình/đề tài thuộc chương trình/đề tài, nhiệm vụ KH&CN khác dự kiến trong kế hoạch KH&CN 2021 (trừ dự án duy tu)

Biểu kèm theo Công văn số ~~1142~~/BGDDĐT-KHCNMT ngày ~~21~~ tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐƠN VỊ:

Phụ lục 3
Biểu TK3-3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyet)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
1									
2									
...									
<i>II</i>	<i>Dự án mới (*)</i>								
1									
....									

(*) Ghi dự án dự kiến trong kế hoạch KH&CN 2021

Phụ lục 4: Mẫu 1. Phiếu đề xuất chương trình KH&CN cấp bộ

Tổ chức đề xuất:....

PHIẾU ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP BỘ NĂM 2021

1. Tên chương trình KH&CN:

2. Lĩnh vực nghiên cứu:

Khoa học tự nhiên Khoa học nông nghiệp

Khoa học kỹ thuật và công nghệ Khoa học xã hội

Khoa học y, dược Khoa học nhân văn

3. Căn cứ đề xuất chương trình: *(Nêu rõ căn cứ)*

4. Cơ sở khoa học và thực tiễn đối với việc xây dựng chương trình KH&CN: *(Nêu rõ tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện chương trình; mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực v.v...)*

5. Mục tiêu: *(Nêu cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)*

6. Nội dung KHCN chủ yếu: *(nêu rõ các nội dung KH&CN chủ yếu cần phải nghiên cứu, giải quyết để đạt được mục tiêu của chương trình)*

7. Thời gian thực hiện:

8. Kế hoạch và giải pháp tổ chức thực hiện chương trình:

9. Sản phẩm và kết quả dự kiến của chương trình: *(Nêu rõ sản phẩm và kết quả dự kiến của chương trình, khả năng ứng dụng vào thực tiễn...):*

10. Tiềm lực của đơn vị: *(Nêu rõ tiềm lực của đơn vị về nhân lực, cơ sở vật chất, khả năng huy động các nguồn lực cần thiết khác để thực hiện chương trình, khả năng phối hợp với các tổ chức KH&CN khác, với doanh nghiệp hoặc địa phương,...)*

11. Hiệu quả dự kiến: *(Nêu rõ hiệu quả đối với khoa học và công nghệ, đối với phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội,...):*

....., ngày... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu)

Phụ lục 4: Mẫu 2 – Phiếu đề xuất dự án

PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

Loại hình: Dự án nâng cấp tạp chí khoa học

1. Thông tin chung

- Tên dự án:
- Tổ chức chủ trì dự án:
- Chủ nhiệm dự án:
- Kinh phí và nguồn vốn đầu tư:

Trong đó: + Ngân sách Nhà nước:

+ Vốn đối ứng cơ sở:


- Thời gian thực hiện dự án:

2. Sự cần thiết của dự án: *(cần nêu rõ về thực trạng của tạp chí)*

3. Mục tiêu dự án:

4. Nội dung của dự án:

5. Dự kiến sản phẩm hiệu quả đầu tư

- Hiệu quả phục vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:
- Hiệu quả phục vụ đào tạo sau đại học, đại học:
- Hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội: 

....., ngày tháng năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)